

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 09/2023/KDTM-GĐT
Ngày 11 tháng 01 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang - Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn - Thẩm phán cao cấp;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thẩm phán cao cấp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X; trụ sở: Số 118 đường M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Xuân S, Công ty Luật TNHH H và Cộng sự (Hợp đồng ủy quyền ngày 31/7/2020).

2. Bị đơn: Công ty TNHH L; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Mạnh C, Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Văn phòng giao dịch: Số 31, ngõ 2 phố S, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1957 (Giấy ủy quyền số 141/UQ-2020 ngày 10/11/2020).

- Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H số 1 (nay là Công ty cổ phần H Hà Nội); địa chỉ: Số 18 ngõ 4 phố P, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí V, Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X, do người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X (sau đây viết tắt là Công ty 3) và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H số 1 (sau đây viết tắt là Công ty H) liên danh (sau đây viết tắt là Liên danh nhà thầu) để triển khai thi công một phần dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Cục A và Cục B thuộc Tổng Cục C. Dự án được thực hiện theo hình thức BT, Chủ đầu tư là Tổng Cục C, Nhà đầu tư là Công ty thương mại xây dựng Y (sau đây viết tắt là Công ty Y), Công ty trách nhiệm hữu hạn L (sau đây viết tắt là Công ty L) là doanh nghiệp thực hiện dự án.

Ngày 15/9/2012, Liên danh nhà thầu ký Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐXD/379Land-XD.No3 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 01) với Công ty L với nội dung, Liên doanh nhà thầu thực hiện gói thầu thi công xây thô, hoàn thiện và cung cấp lắp đặt thiết bị để xây dựng trụ sở làm việc Cục A, Cục B thuộc một phần của Dự án BT nói trên; giá trị hợp đồng là 115.895.000.000 đồng; thời gian thực hiện là 900 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Do dự án không được triển khai ngay nên một bên trong Liên danh nhà thầu là Công ty H từ chối thực hiện dự án và ủy quyền cho Công ty 3 thực hiện phần công việc của Công ty H. Ngày 16/5/2015, Công ty 3 và Công ty H ký Biên bản thanh lý Hợp đồng liên danh. Ngày 15/8/2014, Công ty 3 và Công ty L ký Phụ lục hợp đồng số 01 điều chỉnh thời gian thi công đến ngày 10/02/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư thay đổi thiết kế, điều chỉnh bổ sung một số hạng mục cho phù hợp với công năng sử dụng và Công ty 3 đã triển khai thực hiện điều chỉnh bổ sung theo đúng yêu cầu. Ngày 15/11/2016, Công ty 3 và Công ty L ký Phụ lục hợp đồng số 02 điều chỉnh giá trị hợp đồng tạm tính là 107.187.190.000 đồng, thời gian thi công và bàn giao trước ngày 10/4/2017 và điều chỉnh lại các giai đoạn thanh toán của Hợp đồng số 01.

Quá trình thi công, Công ty 3 luôn phải ứng trước vốn để triển khai thi công, Công ty L không thực hiện việc tạm ứng giá trị hợp đồng, tạm ứng thanh toán theo Hợp đồng số 01 giữa các bên. Công ty 3 đã hoàn thành gói thầu và bàn giao công trình đúng hạn vào ngày 30/3/2017 để Công ty Y và Công ty L bàn giao cho Chủ đầu tư. Hiện nay, công trình đã được đưa vào sử dụng. Do Công ty Y và Công ty L chưa thanh toán số tiền 32.194.972.300 đồng (trong đó số tiền còn phải thanh toán theo Báo cáo 410 ngày 25/12/2015 là 11.426.718.700 đồng; giá trị khối lượng thực tế thi công hoàn thành bị thống kê sót chưa cộng vào dự toán điều chỉnh bổ sung là 18.585.175.000 đồng, tiền mặt Công ty L còn nợ là 2.183.078.600 đồng) nên Công ty 3 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Y và Công ty L liên đới thanh toán cho Công ty 3 số tiền là 41.536.475.300 đồng (trong đó nợ gốc là 32.194.972.300 đồng, lãi chậm trả là 9.341.503.000 đồng).

Bị đơn là Công ty TNHH L do người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty L là Doanh nghiệp được thành lập để thực hiện dự án BT theo Hợp đồng xây dựng - chuyển giao số 244/HĐBT-C43-379-2012 giữa Tổng cục C và Công ty Y. Công ty L thừa nhận việc ký Hợp đồng số 01 và Phụ lục số 01 và 02 như Công ty 3 trình bày. Công ty L là đơn vị thực hiện dự án đầu tư BT theo đó sau khi Công ty Y bàn giao công trình cho Tổng cục C thì Tổng cục C sẽ trả lại bằng giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại địa chỉ số 14 ngõ 38/55 đường H; trường hợp thiếu vốn thì Tổng cục C sẽ bố trí tiền từ ngân sách Nhà nước để trả cho Công ty Y, nếu còn thừa thì Công ty Y phải trả lại số tiền đầu tư chưa hết. Hiện nay Văn phòng cơ quan C (Chủ đầu tư dự án) chưa phê duyệt phần dự toán điều chỉnh bổ sung nên việc Công ty 3 khởi kiện yêu cầu Công ty L thanh toán tiền là không có căn cứ, không phù hợp với các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng số 01. Các biên bản nghiệm thu mà Công ty 3 cung cấp chỉ là biên bản nghiệm thu nội bộ. Sau ngày 30/3/2017, vẫn còn nhiều phần của công trình chưa làm xong nên chưa có đủ tài liệu để tiến hành các thủ tục nghiệm thu với Bộ C. Do đó, Công ty L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty 3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần thương mại - xây dựng Y, do người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty L là doanh nghiệp độc lập, được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Công ty L là pháp nhân tự mình tham gia vào các quan hệ pháp luật và tự chịu trách nhiệm đối với các giao dịch mà mình tham gia, không phụ thuộc vào Công ty Y. Các tranh chấp giữa Công ty L và Công ty 3 là quan hệ giữa 2 pháp nhân, Công ty Y không có trách nhiệm liên đới cùng Công ty L trả nợ cho Công ty 3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H do người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty thừa nhận việc ký kết hợp đồng Liên doanh nhà thầu với Công ty 3 nhưng do dự án phải chờ quá lâu không được triển khai nên Công ty đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng liên doanh. Vì vậy, Công ty không còn bất kỳ quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan nào đến Hợp đồng số 01.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội quyết định:

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng X về việc yêu cầu Công ty TNHH L phải thanh toán số tiền chậm thanh toán theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐXD/3791and-XD.No3 và Phụ lục 01 ngày 15/8/2014; Phụ lục 02 ngày 15/11/2016 về việc thực hiện gói thầu “Thi công xây thô, hoàn thiện và cung cấp lắp đặt thiết, bị để xây dựng trụ sở làm việc”.*

- *Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán trả Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 3, tính đến ngày 18/01/2021 tổng số tiền 39.353.396.700đ (Trong đó tiền nợ gốc 30.011.893.700đ, tiền phạt do chậm thanh toán theo hợp đồng là*

9.341.503.000 đ)

Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán trả Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng X tiền nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/12/2017 còn lại là 1.883.078.600 đ.

Tổng cộng Công ty TNHH L phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng X là 41.236.475.300 đ.

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại - xây dựng X về yêu cầu buộc Công ty cổ phần thương mại - xây dựng Y phải liên đới cùng Công ty TNHH L thanh toán trả nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ phải chịu án phí của các đương sự.

Ngày 20/01/2021, Công ty L có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 22/01/2021, Công ty 3 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc Công ty Y có trách nhiệm liên đới cùng Công ty L trong việc trả tiền cho Công ty 3.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 162/2021/KDTM-PT ngày 08/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định: *Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X với Công ty TNHH L và Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y.

Công ty TNHH L và Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y phải thanh toán trả Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X các khoản tiền: 30.011.893.700 đồng (tiền nợ gốc), 9.341.503.000 đồng (lãi chậm trả đến ngày 18/01/2021), 1.883.078.600 đồng (tiền nợ còn lại theo bản đối chiếu công nợ ngày 13/12/2017). Tổng cộng là 41.236.475.300 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (10/01/2021) người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí.

Ngày 19/01/2022, Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2022/KN-KDTM ngày 08/9/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 162/2021/KDTM-PT ngày

08/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X với bị đơn là Công ty TNHH L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H số 1 (nay là Công ty cổ phần H Hà Nội); Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 26/4/2012, Tổng cục C và Công ty cổ phần Thương mại - Xây dựng Y ký Hợp đồng xây dựng - chuyển giao số 244/HĐBT-C43-379-2012 (sau đây viết tắt là Hợp đồng BT), theo đó, Tổng cục C đồng ý giao cho Công ty cổ phần thương mại, xây dựng Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) thực hiện đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Cục A và Cục B thuộc Tổng cục C tại 497 đường N, quận T, thành phố Hà Nội theo hình thức hợp đồng BT.

[2] Công ty TNHH L (sau đây viết tắt Công ty L) là doanh nghiệp dự án (Doanh nghiệp được Nhà đầu tư - Công ty Y thành lập để thực hiện dự án BT và dự án khác). Ngày 15/9/2012, Công ty L ký Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐXD/379land-XD.No3 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 01) với liên danh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H (sau đây viết tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng X (Công ty 3) với nội dung: Liên danh nhận thi công xây thô, hoàn thiện và cung cấp lắp đặt thiết bị tại dự án trụ sở làm việc của Bộ C ở 497 N, giá trị hợp đồng là 115.859.000.000 đồng, thời gian thực hiện là 900 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; thanh toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng được chia làm 12 giai đoạn. Tuy nhiên, do dự án lâu không được triển khai nên Công ty H đã rút khỏi Liên danh. Ngày 16/5/2015, Công ty H và Công ty 3 ký Biên bản thanh lý hợp đồng liên danh theo đó Công ty H không còn bất kỳ quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng 01, Công ty 3 sẽ toàn quyền thực hiện Hợp đồng 01. Trên cơ sở Biên bản thanh lý hợp đồng liên danh, Công ty 3 tiếp tục thực hiện Hợp đồng 01 với Công ty L. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty 3 cho rằng Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty L và Công ty Y liên đới thực hiện trách nhiệm thanh toán cho Công ty 3 theo Hợp đồng 01.

[3] Xét giá trị thanh, quyết toán mà Công ty 3 yêu cầu Công ty L phải trả, thấy rằng: Giá trị thanh, quyết toán theo Hợp đồng 01 gồm 02 phần (Phần khối lượng đã hoàn thành theo Báo cáo 410/BC-H41-H45 ngày 25/12/2015 đã được

các bên thống nhất là 106.140.666.000 đồng và phần giá trị bổ sung theo Dự toán điều chỉnh bổ sung là 18.169.826.000 đồng).

[4] Đối với phần khối lượng đã hoàn thành theo Hợp đồng 01 là 106.140.666.000 đồng, các bên đều thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Công ty L xuất trình Giấy vay tiền ngày 18/4/2018 với nội dung Công ty 3 vay ông Đinh Mạnh C (giám đốc Công ty L) 1,4 tỷ (được duyệt vay 1,3 tỷ do ông Đinh Xuân S, phó giám đốc Công ty 3 nhận) với cam kết “Nếu đến ngày 20/7/2018, chúng tôi không trả được 100% giá trị tiền gốc ... thì ông Đinh Mạnh C được quyền khấu trừ vào công nợ của Công ty L với Công ty 3 trong số tiền thanh toán còn lại của công trình xây dựng Trụ sở C45-C52”. Tại Văn bản ngày 05/8/2020 gửi Tòa án giải trình ý kiến, Công ty 3 cũng thừa nhận “*C chấp nhận bù trừ khoản tiền 1,3 tỷ đồng và 342.941.408 đồng vào tổng số tiền mà Công ty C yêu cầu bị đơn thanh toán (không được tính phần lãi)*”. Tại Biên bản hòa giải ngày 25/8/2020, Công ty 3 cũng thừa nhận số tiền 1,3 tỷ trên và cho rằng đây là khoản tiền tạm ứng thi công mà Công ty L đã ứng cho Công ty C, Công ty L cũng ghi nhận việc khấu trừ khoản tiền 1.642.941.408 đồng của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định số tiền bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn theo Bản diễn giải số tiền Bên A hiện đang chiếm đoạt của nhà thầu (Kèm theo đơn khởi kiện ngày 09/01/202 và Bản tự khai bổ sung) là 94.713.947.300 đồng, từ đó buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty 3 11.426.718.700 đồng mà không xem xét đến việc đối trừ theo các thỏa thuận trên là chưa chính xác.

[5] Đối với phần giá trị phát sinh mà các bên đang tranh chấp, thấy rằng: Theo Báo cáo số 410 thì tổng giá trị của dự án được điều chỉnh từ 152.756.156.000 đồng xuống còn 126.082.654.000 đồng (giảm 26.673.502.000 đồng, trong đó chi phí xây dựng giảm 10.624.918.000 đồng, chi phí thiết bị giảm 4.179.018.000 đồng, chi phí tư vấn giảm 1.231.011.000 đồng, chi phí khác giảm 301.937.000 đồng, chi phí dự phòng giảm 10.138.002.000 đồng). Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng, tổng giá trị Hợp đồng 01 (bao gồm cả phần phát sinh) nhỏ hơn giá trị của dự án được phê duyệt theo Báo cáo 410 nên phần giá trị phát sinh mà các bên đang tranh chấp đã nằm trong Báo cáo 410. Tuy nhiên, giá trị dự án theo Báo cáo 410 gồm rất nhiều các hạng mục khác nhau. Theo Phụ lục 02 ngày 15/11/2016 của Hợp đồng 01 thì giá trị Hợp đồng 01 là 107.187.190.000 đồng, Công ty L chỉ giao cho Công ty 3 thực hiện một số các hạng mục của dự án như phần hạng mục xây dựng, phần thiết bị; Công ty 3 không thi công các hạng mục hệ thống điện nhẹ, trạm biến áp, máy phát điện và cáp điện từ trạm biến áp ra nguồn điện thành phố, cáp điện và chiếu sáng ngoài nhà; giao cho Công ty T tổ chức thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy hệ thống exit, sự cố và các chi phí khác như chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn xây dựng, chi phí khác (bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm công trình, chi phí quan trắc, chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư...). Căn cứ Báo cáo 410, Công ty Y và Công ty 3 đã lập Phụ lục 02 ngày 15/11/2016, giảm giá trị tạm tính của hợp đồng từ 115.859.000.000 đồng, xuống còn 107.187.190.000 đồng. Do đó, có cơ sở để xác

định Báo cáo 410 là báo cáo điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư của dự án và báo cáo này chưa bao gồm phần chi phí phát sinh mà Công ty 3 đang yêu cầu Công ty L phải thanh toán.

[6] Tại mục 5.1 Điều 5 Hợp đồng 01 các bên quy định đối với phần khối lượng thi công thực tế tăng so với giá trị thỏa thuận trong Hợp đồng 01 sẽ được thanh toán sau khi có dự toán điều chỉnh bổ sung được phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng phần dự toán bổ sung đã được Công ty Y phê duyệt là đủ điều kiện để buộc Công ty L thanh toán là chưa chính xác. Vì Công ty Y chỉ là Nhà đầu tư và là doanh nghiệp tư nhân, còn trong hợp đồng các bên quy định là dự toán điều chỉnh bổ sung của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc điều chỉnh bổ sung của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Hợp đồng 01 nhưng vẫn buộc Công ty L phải thanh toán gốc và lãi của số tiền điều chỉnh bổ sung theo dự toán điều chỉnh bổ sung được Công ty Y phê duyệt là chưa xem xét toàn diện vụ án. Khi xem xét, giải quyết lại vụ án, Tòa án cần làm rõ phần chi phí phát sinh là do đâu? Có được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thụ hưởng chấp nhận, phê duyệt hay không? Và thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc điều chỉnh bổ sung cho dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để từ đó xác định giá trị thanh toán bổ sung, trách nhiệm của các bên cũng như thời điểm tính lãi đối với khoản tiền này.

[7] Ngoài ra, trong Phụ lục 02 của Hợp đồng 01 có đề cập đến phân hạng mục phòng cháy chữa cháy của dự án được chuyển giao cho Công ty T và Biên bản đối chiếu công nợ thực tế ngày 13/12/2017 các bên cũng có liệt kê công nợ của Công ty T. Tại Công văn số 29/2017/CV ngày 02/6/2017, Công ty 3 cũng thừa nhận phần việc phòng cháy, chữa cháy là Công ty T thực hiện, Công ty L ký thông qua Công ty 3. Do phân hạng mục phòng cháy, chữa cháy cũng nằm trong tổng giá trị dự toán của dự án theo Báo cáo 410 và Hợp đồng 01 nên cần đưa Công ty T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ các hạng mục, giá trị Công ty T đã thi công, số tiền Công ty T đã được thanh toán và việc đối trừ giữa Công ty T, Công ty 3 và Công ty L từ đó mới có đủ căn cứ xác định phần giá trị quyết toán còn thiếu giữa Công ty 3 và Công ty L một cách chính xác.

[8] Về trách nhiệm liên đới giữa Công ty Y và Công ty L, thấy rằng: Hợp đồng 01 được ký kết giữa Công ty L với liên doanh Công ty 3 và Công ty H nhưng do Công ty H đã rút khỏi liên doanh và các bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng liên danh nên Hợp đồng 01 chỉ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa Công ty L và Công ty 3. Công ty Y không tham gia ký kết Hợp đồng 01. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 75 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về việc Công ty mẹ có quyền quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và tài chính khác của Công ty con để khẳng định những vấn đề về tài chính của Công ty L đều phải do Công ty Y quyết định, từ đó buộc Công ty Y liên đới cùng Công ty L thanh toán tiền cho Công ty 3 theo Hợp đồng 01. Tuy

nhiên, Công ty L và Công ty Y là hai pháp nhân độc lập, trong đó Công ty L là pháp nhân đặc biệt (doanh nghiệp dự án, do Nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án). Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thì đối với dự án áp dụng Hợp đồng BT thì Doanh nghiệp dự án được Nhà đầu tư thành lập phải tổ chức quản lý, hoạch toán độc lập nguồn vốn đầu tư và các hoạt động của dự án. Hợp đồng BT quy định Công ty L kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty Y trong Hợp đồng BT. Tại Phụ lục số 02 của Hợp đồng BT cũng thể hiện Công ty L là bên nhận thụ hưởng tiền theo Hợp đồng BT và Công ty Y cũng không tham gia ký kết Hợp đồng số 01 với Công ty 3. Do đó, khi giải quyết lại vụ án cần phải làm rõ các thỏa thuận giữa các bên liên quan, nghĩa vụ tài chính và các quy định của pháp luật để có cơ sở xác định nghĩa vụ của các bên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 342, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 162/2021/KDTM-PT ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội về vụ án “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng X với bị đơn là Công ty TNHH L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Thương mại – Xây dựng Y, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H số 1 (nay là Công ty cổ phần H Hà Nội).

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để b/c);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu P.HCTP-VP, P.GĐKT II, P. Lưu trữ HS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Chu Thành Quang